**TUẦN 3**

***Sáng Thứ 2 ngày 23 tháng 9 năm 2024***

Hoạt động trải nghiệm(1)

**CHỦ ĐỀ: MỘT NGÀY Ở TRƯỜNG**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TÌM HIỂU AN TOÀN TRƯỜNG HỌC**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Sau một hoạt động, HS có khả năng:

- Biết một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông

- Có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn, đặc biết ở cổng trường

**II. Các hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| - Nhà trường triển khai một số nội dung phát động phong trào “An toàn trường học”, trong đó có thể thực hiện một số chủ đề có liên quan đến việc đảm bảo an toàn ở trường như “Cổng trường an toàn giao thông” - Nêu lợi ích của việc tham gia thực hiện “*Cổng trường an toàn giao thông”,* đảm bảo an toàn cho HS, xây dựng nhà trường văn minh, tránh gây ùn tắc ở cổng trường.- Tuyên truyền và nhắc nhở HS một số lưu ý khi tham gia giao thông để xây dựng “Cổng trường an toàn giao thông”: xếp hàng ngay ngắn từng lớp khi ra về, để xe đúng nơi quy định theo hàng, lối; đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe mô tô, xe máy điện, xe đạp điện; nhắc nhở bố mẹ, người thân đứng đón xếp hàng theo khu vực quy định, không dừng, đỗ xe ở ngay gần cổng trường để chờ đón HS | - Lắng nghe- Trả lời.- Lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng việt

 **BÀI: Ê, L (T1,2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

 - Nhận biết các âm và chữ cái **ê, l** ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ê, l** với các mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”.

 - Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **ê**, âm **l.**

 - Đọc đúng bài Tập đọc.

 - Biết viết trên bảng con các chữ **ê, l** và tiếng **lê.**

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

 - Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

 - Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:** - Tranh ảnh, mẫu vật, vật thật hoặc máy chiếu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **Tiết 1****1. Mở đầu**+ GV cho HS viết bảng con các chữ cờ đỏ, cố đô.+ GV cho học sinh nhận xét bài viết.**2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá**- Giới thiệu bài.+ GV ghi chữ **ê**, nói: **ê**+ GV ghi chữ **l**, nói: **l** (**lờ**)+ GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS.**\* Dạy âm ê, l.**- GV đưa tranh quả lê lên bảng - Đây là quả gì?- GV chỉ tiếng **lê***\* Phân tích*- GV viết bảng chữ **lê** và mô hình chữ **lê**- GV chỉ tiếng **lê** và mô hình tiếng **lê**- GV hỏi: Tiếng **lê** gồm những âm nào?**\* Đánh vần*.***- GV cho học sinh đánh vần.**3. Luyện tập** **HĐ1.** Mở rộng vốn từ.**Bài 2**: Tiếng nào có âm ê, tiếng nào có âm l (lờ)+ Nói tên sự vật- GV theo dõi- GV giải nghĩa từ khó: Bê là con bò con.- GV cho HS làm bài ở bảng- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê.***Bài 3:*** Luyện đọc từ ngữ:- GV hướng dẫn học sinh đọc từng từ dưới mỗi hình.- GV nhận xét- GV kết hợp giải nghĩa từ.  **Tiết 2****Bài 4. Tập đọc** b. Giáo viên đọc mẫu: - GV đọc mẫu 1 lần : **la**, **lá**, **lồ ô**, **le le**, **dế**, **dê**, **đê**, **lê la.**- GV cùng học sinh nhận xét.\* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 7(dưới chân trang 23).**HĐ 2:** Luyện viết (Bài 5)- GV hướng dẫn học sinh cách viết và dùng bảng: ê, l, lê- GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **ê, l** cỡ vừa.- GV vừa viết mẫu từng chữ và nêu quy trình viết: Description: Description: C:\Users\Hello\Downloads\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p3\mau chu cao 2.5 o ly (54).jpg **Description: Description: C:\Users\Hello\Downloads\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p4\mau chu cao 2.5 o ly (73).jpg**- Cho HS viết trên khoảng không.- Cho HS viết bảng con.- Cho học sinh viết **lê.**- GV yêu cầu HS giơ bảng con.- GV nhận xét.**4. Vận dụng**- Y/C HS đọc lại toàn bài.- Vừa rồi ta học âm mới nào?- Về nhà tìm tiếng có âm l, ê viết vào vở.- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi,...- Về nhà đọc lại bài tập đọc, xem trước bài 11 | - HS viết bài.- Lắng nghe- 4 - 5 em, cả lớp : “**ê”**- Cá nhân, cả lớp : **“lờ”**- HS quan sát- HS trả lời.- HS nhận biết **l**, **ê**- HS đọc cá nhân - tổ - cả lớp: **lê.**- Theo dõi- HS trả lời nối tiếp: - Học sinh đánh vần.- Học sinh lắng nghe - HS thảo luận nhóm đôi- Đại diện nhóm trả lời.- Nhóm khác nhận xét.- Chú ý lắng nghe.- HS làm bài- HS tìm- HS đọc bài cá nhân, tổ, ĐT.- HS nghe- Từng cặp lên thi đọc cả bài.- Thi đọc cặp đôi, tổ- Cả lớp đọc cả bài.\* Cả lớp nhìn SGK đọc **ê, l.**- HS theo dõi.- HS viết chữ **l, ê** và tiếng **lê** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.- HS viết bảng chữ ***l, ê, lê*** (từ 2 - 3 lần).- HS trả lời |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Chiều**

Toán

**SỐ 10**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

 - Biết cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.

 - Đọc, viết số 10.

 - Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.

2. Năng lực đặc thù:

 - Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 10 (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

 - Nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10(Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

3. Phẩm chất: Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

 **-** Tranh tình huống**,** Vở, SGK

 - Một số chấm tròn, que tính, hình tam giác trong bộ đồ dùng Toán 1.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu.**- Giáo viên cho HS quan sát tranh SGK Toán 1 trang 18.- Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.**2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá*****1. Hình thành số 10.***- GV yêu cầu HS đếm số quả táo và số chấm tròn.- GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số 10.- GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.- Y/C HS lên bảng đếm - Nhận xét.**2. Viết số 10**- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10.**3. Luyện tập.*****Bài 1. a. Số?***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.**b. Chọn số thích hợp:**- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm việc cá nhân ***Bài 2. Lấy số hình phù hợp (theo mẫu)***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV hướng dẫn HS làm mẫu:- GV cùng HS nhận xét tuyên dương**Bài 3. Số?**- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm bài cá nhân- GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-10 và 10-0.- GV cùng HS nhận xét tuyên dương**4. Vận dụng*****Bài 4. Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại.***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm bài theo cặp.- GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình.- GV cùng HS nhận xét. | - HS quan sát tranh.- HS đếm số quả mỗi loại rồi trao đổi với bạn.- HS đếm và trả lời :- HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng gài số 10.- HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 (que tính, chấm tròn) rồi đếm.- HS ở dưới theo dõi và nhận xét.- Học sinh theo dõi và quan sát***Bài 1. a. Số?***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài- HS đếm số quả có trong mỗi hình đọc số tương ứng cho bạn: - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.- HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm.- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài- HS đếm số quả có trong mỗi hình rồi chọn số thích hợp có trong ô.***Bài 2. Lấy số hình phù hợp (theo mẫu)***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.- HS báo cáo kết quả làm việc.**Bài 3. Số?**- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.- HS thi đếm từ 0 đến 10 và đếm từ 10 đến 0.***Bài 4. Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại.***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS đếm đủ 10 bông hoa mỗi loại rồi chia sẻ với bạn cách đếm.  - HS kể  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ôn luyện kiến thức

**LUYỆN TIẾNG VIỆT: Đ- E**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Cũng cố cách phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **đ, e, thanh ngã** huyền, thanh sắc và thanh hỏi, tìm được chữ **đ, e**, nói đúng tên các dấu thanh: thanh ngã.

- Đọc**,** viết đúng câu **: cố đô, cá cờ, dẻ, đỗ, de.**

**II. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:** **-** Em hãy kể tên những âm, những dấu thanh em đã được học.- Nhận xét, bổ sung**2. Hướng dẫn tự học:**2.1.Giới thiệu bài: 2.2.Hướng dẫn tự học:**Bài 1.** - GV viết bảng: **đ, e, cố đô, cá cờ, dẻ, đỗ, de**- Nêu yêu cầu của bài.**Bài 2**: Hướng dẫn viết **đ, e, cố đô, cá cờ, dẻ, đỗ, de**  và các chữ : **cố đô, cá cờ, dẻ, đỗ, de**- GV nêu YC BT- Hướng dẫn viết và viết mẫu:+ Em hãy nêu độ cao của các con chữ- Nêu điểm đặt bút, điểm kết thúc của từng chữ.- GV viết mẫu, vừa viết vừa nói lại quy trình viết.- Cho HS luyện viết bảng con. Mỗi lần 2 chữ.- Nhận xét, sửa sai.- Cho HS luyện viết vở. Gv theo dõi, uốn nắn, giúp đỡ HS.**-** Chấm- chữa bài- nhận xét.**3. Cũng cố, dặn dò****-** Nhận xét tiết học, tuyên dương những em viết đẹp | - HS kể tất cả các âm, dấu thanh đã được học từ tuần 1- tuần 3.- HS lắng nghe- HS nhìn bảng đọc bài cá nhân, tổ, lớp.- HS nêu- HS nêu.- HS quan sát, nắm quy trình viết.- HS luyện viết bảng con.- HS sửa sai theo hướng dẫn của GV- HS thực hành- viết vở. ô li- HS lắng nghe |

-------------------------------------------------------------------------------------------

***Thứ ba, ngày 24 Tháng 9 năm 2024***

***Sáng*** Tiếng Việt

**BÀI 11: B, BỄ (T1,2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **b**; nhận biết thanh ngã, dấu ngã, đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm **b** “mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”.

 - Nhìn hình, phát âm, tự phát hiện được tiếng có âm b, có thanh ngã.

 - Đọc đúng bài tập đọc ở bờ đê.

 - Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng và chữ số: b, 2, 3.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **Tiết 1****1. Mở đầu**  - Cho HS đọc bài tập đọc (Bài 10), viết e, l, lê**2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá.** **2.1 Dạy âm b và chữ cái b**- GV đưa tranh con bê lên bảng - Đây là con gì?- GV chỉ tiếng **bê** - GV nhận xét***\* Phân tích***- GV viết bảng chữ **bê** và mô hình chữ **bê**- GV chỉ tiếng **bê** và mô hình tiếng **bê**- GV hỏi: Tiếng **bê** gồm những âm nào?***\* Đánh vần.***- Giáo viên hướng dẫn cả lớp đánh vần.***bờ - ê – bê******2.2. Tiếng bễ***- GV đưa tranh cái bễ lên bảng - GV chỉ tiếng **bễ**. Giới thiệu đây là tiếng **bễ**.- Tiếng bễ khác bê ở điểm nào?***\* Phân tích***- GV hỏi: Tiếng **bễ** gồm những âm nào?***\* Đánh vần.***- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***bờ - ê - bê - ngã –bễ*****3. Luyện tập*****3.1. Mở rộng vốn từ.*** ***Bài 2: Tiếng nào có âm b (bờ)***- GV nêu yêu cầu của bài tập- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.- GV cho HS làm bài ***Bài 3: Tiếng nào có thanh ngã****.(tương tự BT2)****3.2. Tập đọc. (Bài 4)***- GV trình chiếu hình ảnh bài tập đọc lên bảng- GV chỉ 3 hình ảnh minh họa và hỏi: Đây là hình ảnh những con vật gì?- GV: Bài đọc nói về con dê, con dế, con bê ở bờ đê.***b. Đọc mẫu.***- GV đọc mẫu 1-2 lần***c. Luyện đọc từ ngữ.***- GV chỉ từng hình mời học sinh nói tên các con vật.- GV chỉ các từ *bờ đê, la cà, có dế, có cả bê, be be* trong bài đọc trên bảng- GV giải nghĩa **Tiết 2*****3.2. Tập đọc (tiếp)****d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.*- GV chỉ từng câu và giới thiệu: Bài đọc có 3 tranh và 4 câu (tranh 3 có 2 câu)- HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.***e. Thi đọc cả bài.***- Cho HS làm việc nhóm đôi- GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ.***3.4. Tập viết (Bài 5)******a. Viết : b, bê, bễ***- GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **b, bê, bễ** cỡ vừa. viết số 2, 3- GV viết mẫu, hướng dẫn quy trình viết.- GV kiểm tra, nhận xét.**4. Vận dụng:** - Gọi HS đọc lại bài - Bài học hôm nay ta học được âm gì? Tiếng gì?- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.- Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 12- GV khuyến khích HS tập viết chữ **b, ê** trên bảng con | - HS thực hiện. - HS quan sát- HS : Đây là con bê- HS nhận biết **b, ê = bê**- HS đọc cá nhân - tổ - cả lớp: **bê**- Theo dõi- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **bê** gồm có âm **b** và âm **ê**. Âm **b** đứng trước và âm **ê** đứng sau.- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***bờ - ê - bê***- Cả lớp đánh vần: ***bờ-ê-bê***- HS quan sát- HS theo dõi, quan sát- Tiếng bễ khác tiếng bê là có thêm thanh ngã- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **bễ** gồm có âm **b** và âm **ê** và thanh ngã. - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***bờ - ê – bê – ngã - bễ***- Cả lớp đánh vần: ***bờ - ê – bê - ngã- bễ, bễ***- Từng cặp trình bày.- HS nói đồng thanh-HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.- HS nói (bố, bé, bế,...)- Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 24.- HS lần lượt nói tên từng con vật: *bò, lá, bàn, búp bê, bóng, bánh*- HS theo dõi, quan sát- HS quan sát và trả lời: Tranh 1: con dê; tranh 2: con dế; tranh 3: con bê- HS nhắc lại : dê, dế, bê- HS đánh vần, đọc trơn các từ GV chỉ. - HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.- HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).- HS đọc tiếp nối theo nhóm, cặp:- Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc- Từng cặp lên thi đọc cả bài- Các tổ lên thi đọc cả bài- HS theo dõi- HS viết bảng con: b, bê, bễ- 2-3 HS thực hiện- HS trả lời- Lắng nghe |

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Hoạt động trải nghiệm (2)

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**MỘT NGÀY Ở TRƯỜNG**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

 - Nêu được một số hoạt động học tập và vui chơi cùng bạn khi ở trường, sự cần

thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.

- Bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường.

**II. Chuẩn bị:**

- Tranh ảnh về hoạt động học tập và vui chơi của HS trong trường học.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**  |  |
| - Ổn định:  | - Hát |
| - Giới thiệu bài: |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày ở trường. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu.**  |
| **Hoạt động 1.Trò chơi kết bạn** |  |
| *1) Thực hiện trò chơi theo nhóm:* - HS chia thành các nhóm 6 đến 10 người.- GV phổ biến luật chơi: + HS các nhóm đứng theo vòng tròn, một bạn làm quản trò đứng ở giữa vòng tròn. + Khi quản trò hô: “Kết bạn, kết bạn”, các học sinh xung quanh sẽ đáp “Kết mấy? Kết mấy?”. Lúc đó, quan trò sẽ nêu số lượng tùy thích, ví dụ : “Kết đôi, kết đôi”, “Kết ba, kết ba”. Ngay lập tức sau khi quản trò hô, các bạn HS trong nhóm sẽ chạy lại với nhau để thành các nhóm như quản trò yêu cầu. Bạn nào không có nhóm sẽ là người thua cuộc. - Gv cho HS chơi trò chơi.- GV theo dõi, giúp đỡ HS | - HS chia nhóm theo bàn.- Lắng nghe.- HS chơi theo nhóm. |
| *2) Làm việc cả lớp:* - HS trả lời câu hỏi để nêu được cảm nhận sau khi tham gia trò chơi này: + Em có vui khi tham gia trò chơi này không? + Em có bị thua cuộc lần nào không. Khi các bạn đều có nhóm kết bạn mà em không có thì em có cảm xúc như thế nào?+ Khi các bạn ở trường, em và bạn có thể cùng nhau làm những việc gì? - GV nhận xét và rút ra kết luận.  | - HS trả lời những cảm nhận của mình sau khi chơi.+ HS trả lời.+ HS nói về cảm xúc của mình.+ HS kể những việc mình đã làm cùng bạn.- Lắng nghe. |
| \*GV kết luận:Khi ở trường, em và bạn cùng nhau tham gia nhiều hoạt động khác nhau như: cùng nhau thảo luận nhóm để học tập trong các tiết học, giúp đỡ nhau khi gặp bài khó, cùng nhau tham gia các trò chơi trong các giờ nghỉ giữa giờ. Có bạn, chúng em học tốt hơn; có bạn, chúng em sẽ vui hơn. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** |  |
| **- Hoạt động 2: Tìm hiểu một ngày ở trường của em.** |
|  |
| \* Cách tiến hành :1) Làm việc cả lớp:Cho HS quan sát các tranh trong SGK và trả lời một số câu hỏi: + Các bạn trong tranh đang tham gia những hoạt động nào? Hoạt động đó mang lại ích lợi gì? | - Làm việc cả lớp+ HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.- Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.- HS nhận xét nhóm bạn |
| 2) Làm việc theo nhóm- HS ngồi các nhóm 2 hoặc 4 người.- Cho các nhóm thảo luận theo các câu hỏi: + Ở trường, em và các bạn được tham gia những hoạt động nào?+ Em đã tự làm được những việc gì khi ở trường?+ Việc làm đó của em mang lại ích lợi gì?- Cho HS đại diện các nhóm lên bày tỏ ý kiến, GV nhận xét và rút ra kết luận. | - Làm việc theo nhóm- Thảo luận, thống nhất ý kiến.+ HS đưa ra các hoạt động: tập đọc, làm toán, vui chơi,…+ HS nêu những việc đã làm+ HS nêu.- Các nhóm lên chia sẻ. |
| \* Kết luận: Khi ở trường, các em nên tự thực hiện những việc như: sắp xếp, dọn đồ ăn trước và sau khi ăn, gấp và cất chăn gối sau khi ngủ trưa; vứt, nhặt rác để giúp sân trường sạch sẽ hơn;cất và xếp ghế sau khi chào cờ và hoạt động tập thể; uống nước và vệ sinh cá nhân; chăm sóc hoa, cây cối ở vườn trường | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Vận dụng**- Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về an toàn trường học.- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

----------------------------------------------------------

***Chiều***

Toán

**LUYỆN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

 - Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10. Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 – 10.

 - Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.

 - Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

2. Năng lực đặc thù:

 - Phát triển các năng lực toán học.

3. Phẩm chất: Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:** - Bộ đồ dùng Toán 1,Vở, SGK

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**- Giáo viên cho hs chơi trò chơi và giới thiệu bài.**2. Luyện tập*****Bài 1. Mỗi chậu có mấy bông hoa?***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm việc cá nhân.- Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.***Bài 2. Trò chơi “Lấy cho đủ số hình”***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV hướng dẫn HS cách chơi- GV cho học sinh chơi theo nhóm bốn***Bài 3. Số?***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm bài cá nhân- GV tổ chức cho học sinh đọc các số trong bài- GV cùng HS nhận xét tuyên dương**3. Vận dụng*****Bài 4. Đếm số chân của mỗi con vật sau.***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh chơi trò chơi: Đố bạn- GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên chỉ vào hình các con vật chỉ định 1 bạn bất kì nói số chân của con vật đó.- GV cho HS chơi thử- GV cho HS chơi- GV cùng HS nhận xét.***Bài 5. Tìm hình phù hợp.***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho học sinh làm bài cá nhân- GV tổ chức cho học sinh lên báo cáo kết quả. | - HS nghe hướng dẫn chơi.***Bài 1. Mỗi chậu có mấy bông hoa?***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài- HS đếm số bông hoa và trả lời- Một vài HS lên chia sẻ.***Bài 2. Trò chơi “Lấy cho đủ số hình”***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.- Lắng nghe- HS chơi trong vòng 5 phút***Bài 3. Số?***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.- HS đọc***Bài 4. Đếm số chân của mỗi con vật sau.***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS lắng nghe- HS quan sát và kể số chân con vật được chỉ định***Bài 5. Tìm hình phù hợp.***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS tìm quy luật rồi xác định hình phù hợp vào ô trống.- HS nêu kết quả. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng việt

**TẬP VIẾT ( SAU BÀI: 10, 11 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

 - Tô đúng, viết đúng các chữ **e**, **l**, **b**, các tiếng **lê**, **bễ** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

 - Tô, viết đúng các chữ số **2**, **3**.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của chữ viết.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Các chữ mẫu **ê**, **l**, **b**; các chữ số **2**, **3** đặt trong khung chữ.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**+ GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 6, 7+ GV nhận xét bài đọc.**2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá:** - Giới thiệu bài:+ Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: chữ **ê, l, b** các tiếng lê, **bê, bễ.****HĐ1.** Đọc chữ **ê**, **l**, **lê**, **b**, **bê**, **bễ**, số **2**, **3**- GV viết lê bảng chữ, tiếng và số cần viết.- GV yêu cầu học sinh đọc.- GV nhận xét.**HĐ2.** Tập tô, tập viết **: ê, l, lê, b, bê, bễ,**- Gọi học sinh đọc **ê, l, lê, b, bê, bễ,**- Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng **ê, l, lê, b, bê, bễ.**- GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:**HĐ3.** Tập tô, tập viết các chữ số : **2, 3.**- GV vừa viết mẫu lần lượt từng số vừa hướng dẫn viết số 2, 3.- GV theo dõi, hỗ trợ HS, nhận xét một số bài viết của học sinh.**3. Vận dụng:** - Y/c HS đọc lại các âm, tiếng, số vừa viết.- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi,… | - Hát- 2 HS đọc. - Lắng nghe.- HS quan sát.- HS đọc (Tập thể - nhóm - cá nhân) các chữ, tiếng và số.- 2 HS đọc.- HS nhắc lại cách viết.- Lắng nghe.- HS theo dõi,viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.- HS tô, viết vào vở *Luyện viết 1.*- HS viết số |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ tư, ngày 25 tháng 9 năm 202**4*

Tiếng Việt

**BÀI 6: G - H ( T1,2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- HS nhận biết các âm và chữ cái **g, h**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **g, h** với các mô hình “ âm đầu+ âm chính” “ âm đầu + âm chính +thanh”: **ga, hồ**

 - Nhìn hình minh họa, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm **g**, âm **h**.

 - Đọc đúng bài tập đọc *Bé Hà, bé Lê.*

 - Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **g, h**, và các tiếng **ga, hồ**.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- GD tình yêu quý bạn bè qua bài đọc Bé Hà bé Lê

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:** - GV: Học liệu điện tử, chữ mẫu.

 - HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
|  **Tiết 1****1. Mở đầu:**- Ổn định.- Tổ chức trò chơi Tìm âm đã họcGV: Tìm tiếng có âm có chứa âm ơ, âm d đã học?- GV nhận xét, tuyên dương HS chơi**2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá****-** GV chiếu lên bảng tên bài **g, h**. Giới thiệu bài mới: âm **g** và chữ **g**, âm **h** và chữ **h****HĐ1:** Dạy âm **g**, chữ **g**. (BT1:Làm quen)- GV cho hs quan sát tranh nhà ga và trả lời câu hỏi: Đây là cái gì?- GV viết bảng chữ **g**, chữ **a****\* Phân tích:**- GV viết bảng mô hình tiếng **ga**

|  |
| --- |
| ga |
| g | a |

- GV chỉ mô hình đọc mẫu- GV hỏi: Tiếng **ga** gồm những âm nào?- Nhận xét**HĐ2: Dạy âm h, chữ h.**- Các bước tương tự như dạy âm **g)**.**3. Luyện tập:****HĐ3: Mở rộng vốn từ. (**BT2: Tiếng nào có âm **g**, tiếng nào có âm **h)**\* Tìm tiếng có âm **g**- GV chỉ từng hình- GV nhận xét chốt ý đúng\* Tìm tiếng có âm **h**. (Quy trình dạy tương tự tìm tiếng có âm g) **Tiết 2****HĐ4: Tập đọc (**BT3)a.GV chỉ hình minh họa bài đọc *Bé Hà, bé Lê*+Bài có mấy nhân vật ?- GV xác định lời các nhân vật- Gv chỉ lần lượt các từ dưới các hình 2,3,4- GV đọc mẫub. Luyện đọc từ ngữ:c, Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:d. Thi đọc đoạn, cả bài:**HĐ5: Tập viết** (Bảng con- BT4)a. viết chữ **g,h:**- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết chữ g, h- GV nhận xétb. Viết **ga, hồ****-** GV hướng dẫn cách viết**4. Vận dụng**- Vừa rồi ta học được âm mới, tiếng mới nào?- Khuyến khích HS tập viết chữ trên bảng con | - Hát- HS nối tiếp nhau tìm- Lắng nghe- Cả lớp đọc **g, h**- HS quan sát, trả lời: nhà ga- HS nhận biết **g, a = ga**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **gờ-a-ga/ga**- HSTL**-** HS lần lượt nói CN, lớp**-** HS nối **-** HS nhìn hình nói tiếng có âm g **-** Lắng nghe.- HS lần lượt nói.- HS đọc cá nhân, tổ- HS nối tiếp nhau đọc, cặp, tổ, lớp- CN, tổ thi đọc bài- Cả lớp đọc bài ở SGK- HS đọc trên bảng lớp: **g, h, ga, hồ**- HS viết bảng con (2-3 lần)- HS viết bảng con (2-3 lần)- Đọc tiếng vừa viết trên bảng con- HS trả lời |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Sáng Thứ năm, ngày 26 tháng 9 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 13: I, IA(T1,2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

 - Nhận biết các âm và chữ i, ia; đánh vần, đọc đúng tiếng có i, ia với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”: bi, bia.

 - Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm i, âm ia.

 - Đọc đúng bài Tập đọc Bé Bi, bé Li.

 - Biết viết các chữ i, ia; các tiếng bi, bia, các chữ số 4, 5 (trên bảng con).

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

 - Đọc viết đúng tốc độ i, ia, bi, bia và bài đọc Bé Bi, bé Li

 - Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**: Học liệu điện tử

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu:**- Cho HS cả lớp viết bảng con: *ga, hồ*- GV nhận xét.**Tiết 1****2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá** - GV giới thiệu chữ I in hoa.- Chia sẻ và khám phá (BT1: Làm quen) 2.1: Âm i và chữ i.- GV chỉ hình các viên bi, hỏi: Đây là gì? - GV viết b, viết i. - Phân tích tiếng bi. 2.2: Âm ia và chữ ia- GV chỉ hình bia đá: Đây là các tấm bia ghi tên các tiến sĩ thời xưa.- GV viết b, viết ia. - Phân tích tiếng bia gồm có âm b đứng trước, âm ia đứng sau.**3. Luyện tập**3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm ia?)- GV chỉ hình**3.2. Tập đọc** (BT3)- GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi).- GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huốngTranh 1,2,3,4- Giải nghĩa từ: *bi bô, lia lịa.* - Luyện đọc từ ngữ **Tiết 2**- Luyện đọc từng lời dưới tranh- GV: Bài có 4 tranh và lời dưới 4 tranh.- (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng chữ trong tên bài - Làm tương tự với từng lời dưới tranh.- GV sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy.+ Thi đọc đoạn, bài (theo cặp / tổ)- Tìm hiểu bài đọc (lướt nhanh)GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 133.3. Tập viết (bảng con - BT 4)- Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: i, ia, bi, bia; 4, 5. b, Tập viết các chữ, tiếng: i, ia, bi, bia- GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn:c, Tập viết các chữ số: 4, 5- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:**4. Vận dụng:** - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?- Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?- Về nhà đọc lại bài và chuẩn bị bài sau. |  - HS thực hiện- HS nhắc lại đề bài- Cả lớp chú ý lắng nghe- HS trả lời: các viên bi- HS đọc (cá nhân, cả lớp): bi.- HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình phân tích: bờ - i - bi / bi.- HS đọc (cá nhân, cả lớp): b, ia, bia.- HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc trơn: bờ - ia - bia / bia.\* HS nói lại chữ, tiếng vừa học: i, ia; bi, bia; ghép trên bảng cài chữ i, chữ ia.- 1 HS nói, sau đó cả lớp nói: *bí, ví, chỉ, mía, đĩa, khỉ.* / HS làm bài trong VBT, báo cáo: Tiếng có âm ỉ: *bí, ví, chỉ, khỉ.**-* Tiếng có âm ia: *mía, đĩa.* - HS trả lời- HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm i, có âm ia- HS lắng nghe- Cho cả lớp đọc thầm, sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân): bi bô, lia lịa, bị ho, dỗ bé.- HS thực hiện Từng HS, sau đó từng cặp tiếp nối nhau đọc lời dưới 4 tranh .- HS trả lời.- HS đọc cá nhân, tổ, nhóm.- HS viết vào bảng con: i, ia, bi, bia.- HS viết trên bảng con: 4, 5 (2 lần). - HS trả lời- HS trả lời |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ôn luyện kiến thức

**LUYỆN TIẾNG VIỆT: LUYỆN ĐỌC, VIẾT I - IA**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù**

**\* Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Giúp HS củng cố về đọc viết âm I và vần ia đã học.

- Viết đúng các chữ cái i và a và các chữ ghi tiếng có vần ia

**2. Phẩm chất**

-Bước đầu biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm đôi

-Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét chữ, trình bày đẹp bài tập viết.

-Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

-Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

-Máy tính, máy chiếu để chiếu hình ảnh của bài học lên màn hình.

-Tranh, ảnh, mẫu vật.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu**\*Khởi động- Em hãy kể tên những âm và vần đã học**2. Luyện tập**a. Ôn đọc:- GV ghi bảng.i, bi, ia, bia- GV nhận xét, sửa phát âm.b. Viết:- Hướng dẫn viết vào vở ô ly.i,bi, ia, bia. Mỗi chữ 3 dòng.- Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.- GV chấm vở của HS.- Nhận xét, sửa lỗi cho HS.**3. Củng cố - dặn dò:**- GV hệ thống kiến thức đã học.- Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. |  - HS kể- HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.    - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

###### *Thứ 6 ngày 27 tháng 9 năm 2024*

**Sáng**

Tiếng Việt

**TẬP VIẾT (SAU BÀI 12, 13)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

 - Tô, viết đúng các chữ **g, h, i, ia,** và các tiếng **ga, hồ, bi, bia -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

 - Tô, viết đúng các chữ số **4, 5.**

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của số, chữ viết..

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

 - Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**

 - Các chữ mẫu *g, h, ỉ, ỉa-,* các chữ số *4, 5* đặt trong khung chữ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Hoạt động của giáo viên*** |  ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**- Cho HS viết bảng con ê, l, b, lê, bễ- GV nhận xét.**2. Hình thành kiến thức mới.**a. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: *g, ga, h, hồ, i, bi, ia, bia, 4, 5.*- Tập tô, tập viết: *g, ga, h, hồ*- GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn quy trình viết.b. Tập tô, tập viết: *i, bi, ia, bia*- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình viết.c. Tập tô, tập viết chữ số: *4, 5*- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình viết.**3. Vận dụng:****-** Về nhà tìm tiếng có chứa i, ia luyện viết thêm.- GV tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.- Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành. | - HS thực hiện.-1 HS nhìn bảng, đọc: *g, ga, h, hồ,* nói cách viết, độ cao các con chữ.- HS theo dõi.- HS tô, viết các chữ, tiếng *g, ga, h, hồ* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.- 1 HS nhìn bảng, đọc: *i, bi, ia, bia',* nói cách viết, độ cao các con chữ.- HS tô, viết các chữ, tiếng *i, bi, ia, bia* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.- HS chú ý theo dõi, quan sát.- HS tô, viết các chữ số: *4, 5* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.- HS thực hiện. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt

**KỂ CHUYỆN: HAI CHÚ GÀ CON**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

 - Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

 - Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

 - Nhìn tranh, không cần GV hỏi, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Nhận biết và đánh giá được tính cách của các nhân vật trong câu chuyện.

 - Hiểu lời khuyện của câu chuyện: Anh em phải yêu thương nhau, nhường nhịn nhau, đừng tranh giành, nghĩ xấu về nhau để khỏi phải xấu hổ, ân hận,

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- GD tình yêu thiên nhiên, yêu các con vật

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:** - Máy chiếu để chiếu 4 tranh minh họa chuyện.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu**+ GV chỉ tranh 1, 2 minh họa truyện Chồn con đi học. Mời 2 HS lên kể lại.+ GV chỉ tranh 3, 4 + Mời 1 HS kể toàn chuyện+ GV cho học sinh nhận xét**2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá****a. Quan sát và phỏng đoán**- GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.- GV giới thiệu tên truyện: Hai chú gà con- Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.- GV hãy thử đoán nội dung truyện.**b. Giới thiệu truyện**.- GV giới thiệu: *Hai chú gà con*- GV bật đoạn clip kể chuyện *Hai chú gà con* trong phần học liệu**c. GV kể chuyện**+ GV kể lần 1: kể không chỉ tranh+GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.+ GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.Nội dung câu chuyện: (Trong SGV)**3. Luyện tập****a. Trả lời câu hỏi theo tranh.**+ GV nêu lần lượt các câu hỏi dưới mỗi tranh- GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.- GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 bức tranh.**b. Kể chuyện theo tranh**\* GV yêu cầu mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.- GV gọi HS lên kể trước lớp.- GV cùng HS nhận xét bạn kể\* Trò chơi : Ô cửa sổ.- GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (6 ô cửa sổ)- GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.- GV cho HS chơi trò chơi - GV mở cả 6 tranh yêu cầu HS kể lại toàn bộ câu chuyện.\* GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.**c. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**- Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?\* GV nêu kết luận câu chuyện- GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay.**4. Vận dụng**- Về nhà kể lại cho người thân nghe - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau | - Hát- 2 HS lên kể- 2 HS lên kể - HS xung phong- HS quan sát- HS lắng nghe- HS quan sát chia sẻ theo cặp- HS đoán ND câu chuyện- HS lắng nghe giới thiệu- HS lắng nghe+ HS lắng nghe GV kể+ HS lắng nghe và quan sát tranh+ HS lắng nghe và quan sát tranh+ HS nối tiếp nhau trả lời (mỗi bức tranh 2 HS trả lời- HS trả lời - HS trả lời- 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.\* HS tự chọn 2 tranh và tập kể theo tranh.- HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn.- HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.- HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.- HS xung phong kể\* HS xung phong lên kể chuyện- Câu chuyện khuyên chúng ta: Anh em phải yêu thương nhau, nhường nhịn nhau, đừng tranh giành, nghĩ xấu về nhau để khỏi phải xấu hổ, ân hận\* HS lắng nghe. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Chiều***

Toán

**NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

 - Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.

 - Biết sử dụng từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.

2. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.(Năng lực giao tiếp toán học)

3. Phẩm chất: Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:** - Vở, SGK

- Các thẻ bài: cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai

- Một số tình huống đơn giản liên quan đến *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.*

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu.** |  |
| - Giáo viên cho HS quan sát tranh ở trang 22 SGK và giới thiệu bài. |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới****Khám phá.** |  |
| \* GV treo tranh lên bảng.- GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ cốc tương ứng để lên bàn.- Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn số cốc hay số cốc nhiều hơn số bát?- GV hướng dẫn HS cách xác định số cốc nhiều hơn số bát. | - HS quan sát- HS thực hiện lấy 6 thẻ bát và 7 thẻ cốc để lên bàn.- HS trao đổi theo cặp : Số cốc nhiều hơn số bát. |
| \* Tương tự cho ít hơn, bằng nhau. |  |
| **3. Luyện tập.** |  |
| ***Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau*.**- GV nêu yêu cầu bài tập- GV cho HS quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi.+ Gọi HS báo cáo- GV cho HS làm bài- Gọi HS báo cáo kết quả bài 1. | ***Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau.***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS quan sát |
| ***Bài 2.Cây bên nào nhiều quả hơn***- GV nêu yêu cầu bài tập- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân- Mời HS lên chia sẻ kết quả bài làm.- GV và HS nhận xét- GV cho HS nhắc lại kết quả bài làm | ***Bài 2.Cây bên nào nhiều quả hơn***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- HS làm bài vào vở BT.- Vài HS lên bảng chia sẻ kết quả và cách là. - HS nhận xét bạn.- HS (cá nhân-tổ) nhắc lại kết quả |
| **4. Vận dụng** |  |
| ***Bài 3. Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai.***- GV nêu yêu cầu bài tập- Em cho biết bức tranh vẽ gì?- GV đọc từng câu và Y/C HS giơ thẻ đúng/sai. | ***Bài 3. Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai.***- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu- Tranh vẽ : 5 bạn nhỏ, 5 cái xẻng và 5 cái xô đựng nước.- HS lắng nghe + Quan sát rồi giơ thẻ: |

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt

**BÀI 15:** **ÔN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. phát triển năng lực ngôn ngữ:**

 - Biết ghép các âm đã học (âm đầu l, b, h, g, âm chính a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia) thành tiếng theo mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”.

 - Đọc đúng bài Tập đọc *Bể cá.*

- Tìm đúng từ ứng với mỗi hình, viết đúng từng từ.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

 - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II.** **Đồ dùng dạy học**: - Mô hình ghép âm (BT 1).

 - Hình ảnh và các thẻ từ để HS làm BT 3 (gắn từ dưới hình) trên bảng lớp.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** |  **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu****2. Luyện tập****Bài 1:** (Ghép các âm đã học thành tiếng) - GV gắn / chiếu lên bảng lớp mô hình ghép âm; nêu YC.- GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc- GV chỉ từng chữ (âm chính) ở cột ngang, GV chỉ chữ, mời từng tổ tiếp nối nhau ghép từng tiếng theo cột ngang- GV chỉ chữ, cả lớp đồng thanh đọc lại.**Bài 2** (Tập đọc)- GV chỉ hình minh hoạ bài đọc, hỏi: Đây là cái gì? GV: Các em cùng đọc bài Tập đọc để biết bể cá cảnh này có những con vật gì.- GV đọc mẫu; kết hợp giải nghĩa từ: *cò đá* (cò làm bằng đá); *le le gỗ* (le le đẽo bằng gỗ).- Luyện đọc từ ngừ:**.**- Luyện đọc câu- GV: Bài đọc có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho HS đếm: 4 câu).- (Đọc vỡ từng câu) Thi đọc cả bài**Bài 3:** Tìm từ ứng với hình- GV đưa lên bảng lớp 5 hình ảnh, 5 thẻ từ. - GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: bí, lê, hổ, gà, đĩa.- GV chỉ từng hình,**3. Vận dụng**: - Chúng ta vừa được học bài tập đọc gì?- Về nhà luyện đọc các âm đã học | - HS hát- Làm việc cả lớp - nhanh- Cả lớp đọc: l, b, h, g.- Cả lớp đọc: a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia**.**- HS: la, lo, lô, lơ, le, lê, li, lia / ba, bo, bô, bơ, be, bê, bi, bia / ha, ho, hô, hơ, he, hê, hi, hia / ga, go, gô, gơ (không có ge, gê, gi, gia).- HS từng tổ đọc nối tiếp và đồng thanh cả lớp.-.HS trả lời, HS khác nhận xét.- HS theo dõi, lắng nghe- HS (cá nhân, cả lớp) đánh vân (nếu cần), đọc trơn các từ ngữ được tô màu hoặc gạch chân trong bài: bể cá, có cò, cò đá, le le gỗ- Cả lớp đọc thầm tên bài và câu 1- 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc đồng thanh. Làm tương tự với câu 2, 3, 4.- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp).- Các cặp, tổ thi đọc cả bài.- 1 HS đọc cả bài.- Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ để không ảnh hưởng đến lớp bạn).- 1 HS làm bài trên bảng: gắn từ dưới hình tương ứng.- Cả lớp đọc: 1) gà, 2) bí, 3) đĩa, 4) lê, 5) hổ.- HS trả lời  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Hoạt động trải nghiệm(3)

SINH HOẠT LỚP

**CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN AN TOÀN GIAO THÔNG Ở CỔNG TRƯỜNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

 - HS tự liên hệ và đánh giá về những việc bản thân và các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng “Công trường an toàn giao thông”.

**II. Đồ dùng dạy học**:- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1.Mở đầu:** Hát**2. Khám phá:****2.1. Nhận xét trong tuần 3**- GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:*+Đi học chuyên cần:**+ Tác phong, đồng phục .**+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập**+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:*\* Tuyên dương:* - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.*\* Nhắc nhở:* - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.***2.2.Phương hướng tuần 4***- Thực hiện dạy tuần 4, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.*-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.- Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới. **3. Luyện tập*****3.1. An toàn giao thông ở cổng trường.***\* GV tổ chức cho HS tham gia một số hoạt động như: - Chơi các trò chơi: thi nhận biết nhanh về các biển báo giao thông đường bộ.- Thi đóng vai tham gia giao thông, đóng vai xử lý các tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.- Yêu cầu HS thảo luận và chia sẻ cặp đôi và cả lớp về: những việc mà bản thân đã chứng kiến, quan sát được về tình huống không an toàn khi tham gia giao thông; những việc mà bản thân đã thực hiện khi tham gia phong trào “Cổng trường an toàn giao thông”; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an toàn*.*- Múa hát theo chủ đề “An toàn giao thông”.)**4. Vận dụng****-**Khi ngồi trên xe máy chúng ta phải làm gì?- GV nhận xét tiết học. | - HS hát vận động theo nhạc- Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.+ Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi - Lắng nghe để thực hiện.- Lắng nghe để thực hiện.- Lắng nghe để thực hiện.- HS chơi trò chơi- HS chia nhóm, đóng vai xử lí một số tình huống giao thông.- HS làm việc cặp đôi- Các nhóm thực hiện.- HS trả lời |

######